ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG PHÚ AN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1274/QĐ-UBND	*Phú An, ngày 03 tháng 9 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt dự án: Xây dựng hệ thống thoát nước và nâng cấp mặt đường các tuyến đường khu phố Phú Thuận

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG PHÚ AN

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 34/2026/TT-BXD ngày 25 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết về cấp công trình xây dựng phục vụ quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 36/2026/TT-BXD ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 37/2026/TT-BXD ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định định mức dự toán và các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật;

Căn cứ Thông tư số 38/2026/TT-BXD ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1358/QĐ-BXD ngày 28 tháng 8 năm 2026 của Bộ Xây dựng về đính chính Thông tư số 36/2026/TT-BXD ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 4570/QĐ-UBND ngày 24 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn Thành phố chuyển đổi theo Thông tư số 37/2026/TT-BXD;

Căn cứ Quyết định số 74/QĐ-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Ủy ban nhân dân phường Phú An về phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Xây dựng hệ thống thoát nước và nâng cấp mặt đường các tuyến đường khu phố Phú Thuận;

Căn cứ Quyết định số 675/QĐ-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân phường Phú An về phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu tư vấn khảo sát, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật dự án Xây dựng hệ thống thoát nước và nâng cấp mặt đường các tuyến đường khu phố Phú Thuận;

Căn cứ Quyết định số 924/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân phường Phú An về phê duyệt chỉ định thầu tư vấn thẩm tra Báo cáo kinh tế - kỹ thuật dự án Xây dựng hệ thống thoát nước và nâng cấp mặt đường các tuyến đường khu phố Phú Thuận;

Căn cứ Báo cáo kết quả thẩm tra số 06/BCTT-PQ ngày 14 tháng 8 năm 2026 của Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Phú Quân;

Căn cứ Công văn số 1335/UBND-KT ngày 25 tháng 8 năm 2026 của Ủy ban nhân dân phường Phú An về phân công nhiệm vụ thẩm định đối với dự án có yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật trên địa bàn phường;

Căn cứ Công văn số 501/KTHT&ĐT ngày 27 tháng 8 năm 2026 của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Phú An về hướng dẫn Chủ đầu tư thực hiện thẩm định các nội dung được giao;

Căn cứ Thông báo kết quả thẩm định số 05/TBTĐ-BQLDA ngày 28 tháng 8 năm 2026 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Phú An về việc thông báo thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án: Xây dựng hệ thống thoát nước và nâng cấp mặt đường các tuyến đường khu phố Phú Thuận;

Theo đề nghị của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị tại Báo cáo số 604/BC-KTHT&ĐT ngày 03 tháng 9 năm 2026 về kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng dự án: Xây dựng hệ thống thoát nước và nâng cấp mặt đường các tuyến đường khu phố Phú Thuận.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Xây dựng hệ thống thoát nước và nâng cấp mặt đường các tuyến đường khu phố Phú Thuận với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Xây dựng hệ thống thoát nước và nâng cấp mặt đường các tuyến đường khu phố Phú Thuận

2. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính của dự án; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế:

Nhóm dự án: Nhóm C.

Loại, cấp công trình: Công trình giao thông đường bộ, cấp IV.

Thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế: 15 năm.

3. Mã định danh : 8186382.

4. Địa điểm xây dựng dự án ; điểm đầu, điểm cuối và tóm tắt hướng tuyến công trình, một số điểm khống chế; diện tích sử dụng đất của dự án:

Địa điểm xây dựng: Khu phố Phú Thuận, phường Phú An, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các tuyến được đầu tư trên cơ sở đường hiện hữu, bình đồ bám theo hiện trạng và không thực hiện giải phóng mặt bằng. Giải pháp cơ bản phù hợp chức năng đường phố nội bộ và có khả năng kết nối với mạng lưới giao thông khu vực. Trước khi thi công phải kiểm tra cao độ, khả năng tiếp nhận nước tại các điểm đấu nối.

Diện tích sử dụng đất của dự án: 10217m2

5. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Phú An.

6. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Phú An.

7. Nhà thầu tư vấn lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công; nhà thầu khảo sát xây dựng (nếu có): (tên nhà thầu, mã số doanh nghiệp)

Nhà thầu khảo sát, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng Thiên Phúc Long.

Mã số doanh nghiệp: 3701991957.

8. Mục tiêu dự án:

- Đảm bảo hạ tầng giao thông đạt chuẩn và an toàn, khắc phục triệt để tình trạng hư hỏng mặt đường, ổ gà và ngập úng, đảm bảo giao thông thông suốt, an toàn và bền vững cho người dân.

- Cải thiện chất lượng sống và vệ sinh môi trường: Loại bỏ hoàn toàn các yếu tố gây ô nhiễm, giải quyết triệt để tình trạng ứ đọng nước, góp phần cải tạo môi trường sống và nâng cao sức khỏe cộng đồng.

- Hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật và chỉnh trang đô thị: Hoàn thiện đồng bộ mạng lưới giao thông nội bộ khu dân cư, tạo ra mặt đường sạch đẹp, khang trang. Dự án nhằm góp phần thay đổi diện mạo kiến trúc đô thị tại địa phương và từng bước hoàn thiện các tiêu chí đô thị văn minh của phường Phú An.

- Thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội: Cung cấp cơ sở hạ tầng giao thông hiện đại, tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động giao thương, vận chuyển, từ đó kích thích các hoạt động dịch vụ và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của khu vực.

9. Quy mô đầu tư xây dựng:

a. Quy mô:

- Tổng chiều dài tuyến: 1.793,98 m

Trong đó:

+ Tuyến Phú An 52: 375,38m

+ Tuyến Phú An 56: 384,98m

+ Tuyến Phú An 59: 247,00m

+ Tuyến Phú An 61: 786,62m

- Chiều rộng mặt đường: 4,0 ÷ 6,0 m

- Chiều rộng bó nền: 0,2 m x 1 bên = 0,20 m

- Chiều rộng nền đường (bao gồm cả HTTN và bó nền): (4,4÷8,0) m

- Độ dốc ngang mặt đường: 2%

- Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa nóng

- Xây dựng hệ thống thoát nước dọc: Cống hộp BTCT (60÷80xH)cm

- Di dời điện, trung hạ thế.

b. Giải pháp thiết kế:

2.1. Tuyến đường Phú An 52

2.1.1. Thiết kế bình đồ

Bình đồ tuyến được thiết kế trên cơ sở bám theo đường hiện trạng. Toàn tuyến có 04 đỉnh đường cong với Rmax=150m. Do không đền bù giải phóng mặt bằng nên các giao lộ chỉ thiết kế mở rộng theo mặt đường hiện hữu với bán kính R=7,0m.

2.1.2. Thiết kế mặt cắt dọc

- Trắc dọc tuyến được thiết kế trên cơ sở các điểm khống chế tại đầu tuyến, cuối tuyến và các nhánh đường hẻm. Cao độ thiết kế trắc dọc là cao độ hoàn thiện tại tim đường.

- Chiều cao được đắp nâng mặt đường biến thiên từ 0,00 ÷ 0,72m. Độ dốc dọc thiết kế trên tuyến nhỏ nhất là 0,1%.

2.1.3. Thiết kế mặt cắt ngang

- Chiều rộng mặt đường: 4,0 m

- Chiều rộng bó nền: 0,2m x 1 bên

- Chiều rộng cống hộp 60xH: 1m x 1 bên

- Chiều rộng nền đường (bao gồm bó nền và cống TNM): 5,20m

- Độ dốc ngang mặt đường: 2% (dốc 1 mái)

- Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa nóng

2.1.4. Thiết kế kết cấu nền, mặt đường

(Kết cấu nền và mặt đường được thiết kế như sau (tính từ lớp trên xuống dưới):

2.1.4.1. Kết cấu mặt đường hiện hữu.

- Trải lớp BTNN hạt mịn (BTNC C12,5) dày 06cm, lu lèn đạt $K \geq 0,98$; $E \geq 145Mpa$, trên lớp nhũ tương gốc axit phân tích chậm CSS-1h tiêu chuẩn 1,0 Kg/m^2.

- Trải cấp phối đá dăm Dmax=25mm lớp trên dày 15cm, lu lèn đạt K ≥ 0,98; E ≥ 110MPa.

- Trải cấp phối đá dăm Dmax=37,5mm lớp dưới dày 15cm, lu lèn đạt K ≥ 0,98; E ≥ 110MPa.

- Đắp đất cấp 3 (sỏi đỏ) bù phụ nền đường, lu lèn đạt K ≥ 0,98.

2.1.4.2. Kết cấu mặt đường mở rộng

- Trải lớp BTNN hạt mịn (BTNC C12,5) dày 06cm, lu lèn đạt K ≥ 0,98; E ≥ 145Mpa, trên lớp nhũ tương gốc axit phân tích chậm CSS-1h tiêu chuẩn 1,0 Kg/m².

- Trải cấp phối đá dăm Dmax=25mm lớp trên dày 15cm, lu lèn đạt K ≥ 0,98; E ≥ 110MPa.

- Trải cấp phối đá dăm Dmax=37,5mm lớp dưới dày 15cm, lu lèn đạt K ≥ 0,98; E ≥ 110MPa.

- Vét hữu cơ 10cm, đắp bù bằng đất cấp 3, lu lèn đạt K ≥ 0,95.

2.1.5. Kết cấu bó nền

Bên trái tuyến xây bó nền bằng bê tông đá 1x2 M250, rộng 20,0cm, cao 30,0cm. Đỉnh bó nền bằng mép đường. Dưới lót lớp móng bê tông đá 1x2 M150 dày 10,0cm trên lớp lót ni lông chống thấm. Tại các vị trí sau:

2.1.6. Kết cấu lề đường

- Đắp đất cấp 2 chọn lọc (tận dụng đất đào) lu lèn đạt K ≥ 0,90.

- Đoạn từ Km0+090 ÷ Km0+146 bên trái tuyến. Lắp đặt lan can phòng hộ nửa cứng sử dụng các tấm thép dập hình tôn lượn 02 sóng lắp trên các cột treo, cao 75cm so với đỉnh tường chắn, cách khoảng 02m bố trí 01 cột đỡ dạng ống tròn (Ø114mmx4,5mm); cao 2150mm. tại điểm đầu, cuối của hệ lan can phòng hộ bố trí đoạn dẫn chuyển tiếp lan can xuống mặt đất.

2.1.7. Hệ thống thoát nước

2.1.7.1. Hệ thống thoát nước dọc

- Xây dựng hệ thống thoát nước dọc 1 bên trái tuyến cống hộp (60xH)cm bằng đá 1x2 M250, Cống hộp được đặt trên lớp lót móng đá 1x2 M150 dày 10cm, bên dưới lớp bê tông lót bố trí lớp ni lông chống thấm. Cống hộp đậy nắp đan bê tông cốt thép đá 1x2 M250 đổ tại chỗ, dày 15cm. Cao độ đỉnh đan bằng cao độ mép đường. Dọc tuyến, cứ khoảng 12 m bố trí 01 đan thép thu nước mặt (ĐT1) bằng thép mạ kẽm chịu lực để thu gom nước mưa từ mặt đường và dẫn vào hệ thống cống. Đồng thời, cứ khoảng 25 m bố trí 01 hố thu nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra, nạo vét và duy tu hệ thống thoát nước trong quá trình khai thác. Hố thu có kích thước lọt lòng 0,6m × 1 m, đáy hố được thiết kế thấp hơn đáy cống 30 cm.

- Đầu tuyến xây dựng cống hộp (60xH)cm bằng đá 1x2 M250; dài 110,0m. Cống hộp được đặt trên lớp lót móng đá 1x2 M150 dày 10cm, bên dưới lớp bê

tông lót bố trí lớp ni lông chống thấm. Cống hộp đậy nắp đan bê tông cốt thép đá 1x2 M250 đổ tại chỗ, dày 15cm cao độ đầu vào hệ thống thoát nước hiện hữu cống tròn D600mm đường ĐH.609. Bố trí 04 hố thu nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra, nạo vét và duy tu hệ thống thoát nước trong quá trình khai thác. Hố thu có kích thước lọt lòng 0,6m × 1 m, đáy hố được thiết kế thấp hơn đáy cống 30 cm.

- Đắp hoàn thiện: Cống dọc và giếng thu được đắp hoàn thiện lưng cống bằng đất cấp C2 tận dụng từ đất đào đạt độ chặt K≥0,95.

2.1.7.2. Hướng thoát nước

- Nước mưa được thu nước vào hệ thống cống dọc tuyến chảy về đầu tuyến rồi chảy vào hệ thống cống thuộc đường ĐH.609.

- Kiến nghị: Hiện tại đoạn đường ĐH.609 chưa có hệ thống thoát nước mưa nên kiến nghị chủ đầu tư và các cấp có thẩm quyền đầu tư hệ thống thoát nước đoạn còn lại để đảm bảo hệ thống thoát nước được thông suốt.

2.1.3. Hệ thống an toàn giao thông

- Bố trí biển báo tại các ngã ba đầu tuyến, các điểm giao nhau với đường nhánh, sơn gờ giảm tốc bằng sơn phản quang theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT.

- Vạch sơn gờ giảm tốc tuân theo tiêu chuẩn cơ sở TCCS 34:2020/TCĐBVN - Gờ giảm tốc, gồ giảm tốc trên đường bộ.

- Lan can phòng hộ tuân theo TCVN 12681:2019 "Trang thiết bị an toàn giao thông đường bộ - Dải phân cách và Lan can phòng hộ - kích thước và hình dạng".

2.1.4. Di dời điện trung hạ thế

- Trên tuyến di dời 02 trụ điện trung thế và 1 trụ hạ thế.

2.1.5. Di dời mộ

- Trên tuyến di dời 02 ngôi mộ.

2.2. Tuyến đường Phú An 56

2.2.1. Thiết kế bình đồ

Bình đồ tuyến được thiết kế trên cơ sở bám theo đường hiện trạng. Toàn tuyến có 10 đỉnh đường cong với Rmax=40m. Do không đền bù giải phóng mặt bằng nên các giao lộ chỉ thiết kế mở rộng theo mặt đường hiện hữu với bán kính từ R=1,5÷7,0m.

2.2.2. Thiết kế mặt cắt dọc

- Trắc dọc tuyến được thiết kế trên cơ sở các điểm khống chế tại đầu tuyến, cuối tuyến và các nhánh đường hẻm. Cao độ thiết kế trắc dọc là cao độ hoàn thiện tại tim đường.

- Chiều cao được đắp nâng mặt đường biến thiên từ 0,00 ÷ 0,5m. Độ dốc dọc thiết kế trên tuyến nhỏ nhất là 0,18%.

2.2.3. Thiết kế mặt cắt ngang

- Chiều rộng mặt đường (tuyến chính, tuyến nhánh 1): 4,0 m

- Chiều rộng mặt đường (tuyến nhánh 2) từ Km 0+00 đến Km0+ 46,72: 3,0 m

- Chiều rộng mặt đường (tuyến nhánh 2) từ Km 0+46,72 đến Km0+ 57: 4,0 m

- Chiều rộng bó nền: 0,2m x 1 bên

- Chiều rộng cống hộp 60xH: 1m x 1 bên

- Chiều rộng nền đường (bao gồm bó nền và cống TNM): 4,2÷5,20m

- Độ dốc ngang mặt đường: 2% (dốc 1 mái)

- Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa nóng

2.2.4. Thiết kế kết cấu nền, mặt đường

(Kết cấu nền và mặt đường được thiết kế như sau (tính từ lớp trên xuống dưới):

2.2.4.1. Kết cấu mặt đường hiện hữu.

- Trải lớp BTNN hạt mịn (BTNC C12,5) dày 06cm, lu lèn đạt K ≥ 0,98; E ≥ 145Mpa, trên lớp nhũ tương gốc axit phân tích chậm CSS-1h tiêu chuẩn 1,0 Kg/m².

- Trải cấp phối đá dăm Dmax=25mm lớp trên dày 15cm, lu lèn đạt K ≥ 0,98; E ≥ 110MPa.

- Trải cấp phối đá dăm Dmax=37,5mm lớp dưới dày 15cm, lu lèn đạt K ≥ 0,98; E ≥ 110MPa.

- Đắp đất cấp 3 (sỏi đỏ) bù phụ nền đường, lu lèn đạt K ≥ 0,98.

2.2.4.2. Kết cấu mặt đường mở rộng

- Trải lớp BTNN hạt mịn (BTNC C12,5) dày 06cm, lu lèn đạt K ≥ 0,98; E ≥ 145Mpa, trên lớp nhũ tương gốc axit phân tích chậm CSS-1h tiêu chuẩn 1,0 Kg/m².

- Trải cấp phối đá dăm Dmax=25mm lớp trên dày 15cm, lu lèn đạt K ≥ 0,98; E ≥ 110MPa.

- Trải cấp phối đá dăm Dmax=37,5mm lớp dưới dày 15cm, lu lèn đạt K ≥ 0,98; E ≥ 110MPa.

- Vét hữu cơ 10cm, đắp bù bằng đất cấp 3, lu lèn đạt K ≥ 0,95.

2.2.5. Kết cấu bó nền

Bên trái tuyến xây bó nền bằng bê tông đá 1x2 M250, rộng 20,0cm, cao 30,0cm. Đỉnh bó nền bằng mép đường. Dưới lót lớp móng bê tông đá 1x2 M150 dày 10,0cm trên lớp lót ni lông chống thấm.

2.2.6. Hệ thống thoát nước

2.2.6.1. Hệ thống thoát nước dọc

- Xây dựng hệ thống thoát nước dọc 1 bên trái tuyến cống hộp (60xH)cm bằng bê tông đá 1x2 M250, Cống hộp được đặt trên lớp lót móng bê tông đá 1x2 M150 dày 10cm, bên dưới lớp bê tông lót bố trí lớp ni lông chống thấm. Cống hộp đậy nắp đan bê tông cốt thép đá 1x2 M250 đổ tại chỗ, dày 15cm. Cao độ đỉnh đan bằng cao độ mép đường. Cách khoảng 12 m bố trí đan thép (ĐT1) mạ kẽm chịu lực thu nước mặt. Đồng thời, cứ khoảng 25 m bố trí 01 hố thu nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra, nạo vét và duy tu hệ thống thoát nước trong quá trình khai thác. Hố thu có kích thước lọt lòng 0,6m × 1 m, đáy hố được thiết kế thấp hơn đáy cống 30 cm.

- Xây dựng 1 cống hộp ngang 80x80, L=12m đường trên đường ĐH.609 để thoát nước cho tuyến. Cống hộp bằng bê tông đá 1x2 M250 đúc sẵn, Cống hộp được đặt trên lớp lót móng bê tông đá 1x2 M150 dày 10cm. Cống hộp đậy nắp đan bê tông cốt thép đá 1x2 M250 đúc sẵn, dày 14cm.

- Đắp hoàn thiện: Cống dọc và giếng thu được đắp hoàn thiện lưng cống bằng đất cấp C2 tận dụng từ đất đào đạt độ chặt K≥0,95.

2.2.6.2. Hướng thoát nước

- Nước mưa được thu nước vào hệ thống cống dọc tuyến chảy về đầu tuyến rồi chảy vào cống ngang 80x80, L=12m xây dựng mới trên đường ĐH.609.

2.2.7. Hệ thống an toàn giao thông

- Bố trí biển báo tại các ngã ba đầu tuyến, các điểm giao nhau với đường nhánh, bố trí sơn gờ giảm tốc bằng sơn phản quang theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT.

- Vạch sơn gờ giảm tốc tuân theo tiêu chuẩn cơ sở TCCS 34:2020/TCĐBVN
- Gờ giảm tốc, gồ giảm tốc trên đường bộ.

2.2.8. Di dời điện trung hạ thế

- Trên tuyến di dời 02 trung thế và 3 trụ hạ thế.

2.3. Tuyến đường Phú An 59

2.3.1. Thiết kế bình đồ

Bình đồ tuyến được thiết kế trên cơ sở bám theo đường hiện trạng. Toàn tuyến có 05 đỉnh đường cong với Rmax=60m. Do không đền bù giải phóng mặt bằng nên các giao lộ chỉ thiết kế mở rộng theo mặt đường hiện hữu với bán kính từ R=3,0÷12,0m.

2.3.2. Thiết kế mặt cắt dọc

- Trắc dọc tuyến được thiết kế trên cơ sở các điểm khống chế tại đầu tuyến, cuối tuyến và các nhánh đường hẻm. Cao độ thiết kế trắc dọc là cao độ hoàn thiện tại tim đường.

- Chiều cao được đắp nâng mặt đường biến thiên từ 0,07 ÷ 0,23m. Độ dốc dọc thiết kế trên tuyến nhỏ nhất là 0,22%.

2.3.3. Thiết kế mặt cắt ngang

- Chiều rộng mặt đường: 4,0 m

- Chiều rộng bó nền: 0,2m x 1 bên

- Chiều rộng cống hộp 60xH: 1m x 1 bên

- Chiều rộng nền đường (bao gồm bó nền và cống TNM): 5,20 m

- Độ dốc ngang mặt đường: 2% (dốc 1 mái)

- Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa nóng

2.3.4. Thiết kế kết cấu nền, mặt đường đoạn từ Km 0+00 đến Km 0+218.83

(Kết cấu nền và mặt đường được thiết kế như sau (tính từ lớp trên xuống dưới):

2.3.4.1. Kết cấu mặt đường hiện hữu.

- Trải lớp BTNN hạt mịn (BTNC C12,5) dày 06cm, lu lèn đạt K ≥ 0,98; E ≥ 145Mpa.

- Trải lớp BTNN hạt mịn (BTNC C12,5) bù phụ dày trung bình 6,7cm, lu lèn đạt K ≥ 0,98; E ≥ 145Mpa, trên lớp nhũ tương gốc axit phân tích chậm CSS-1h tiêu chuẩn 0,80 Kg/m².

2.3.4.2. Kết cấu mặt đường mở rộng.

- Trải lớp BTNN hạt mịn (BTNC C12,5) dày 06cm, lu lèn đạt K ≥ 0,98; E ≥ 145Mpa, trên lớp nhũ tương gốc axit phân tích chậm CSS-1h tiêu chuẩn 1,0 Kg/m².

- Trải cấp phối đá dăm Dmax=25mm lớp trên dày 15cm, lu lèn đạt K ≥ 0,98; E ≥ 120MPa.

- Trải cấp phối đá dăm Dmax=37,5mm lớp dưới dày 15cm, lu lèn đạt K ≥ 0,98; E ≥ 110MPa.

- Đắp cấp bù phụ cấp phối sỏi đỏ, lu lèn đạt K ≥ 0,98.

2.3.5. Thiết kế kết cấu nền, mặt đường đoạn từ Km 0+218.83 đến Km 0+247

(Kết cấu nền và mặt đường được thiết kế như sau (tính từ lớp trên xuống dưới):

2.3.5.1. Kết cấu mặt đường hiện hữu.

- Trải lớp BTNN hạt mịn (BTNC C12,5) dày 06cm, lu lèn đạt K ≥ 0,98; E ≥ 145Mpa, trên lớp nhũ tương gốc axit phân tích chậm CSS-1h tiêu chuẩn 1,0 Kg/m².

- Trải cấp phối đá dăm Dmax=25mm lớp trên bù phụ trung bình dày 15cm, lu lèn đạt K ≥ 0,98; E ≥ 120MPa.

2.3.5.2. Kết cấu mặt đường mở rộng.

- Trải lớp BTNN hạt mịn (BTNC C12,5) dày 06cm, lu lèn đạt K ≥ 0,98; E ≥ 145Mpa, trên lớp nhũ tương gốc axit phân tích chậm CSS-1h tiêu chuẩn 1,0 Kg/m².

- Trải cấp phối đá dăm Dmax=25mm lớp trên dày 15cm, lu lèn đạt K ≥ 0,98; E ≥ 120MPa.

- Trải cấp phối đá dăm Dmax=37,5mm lớp dưới dày 15cm, lu lèn đạt K ≥ 0,98; E ≥ 110MPa.

- Đắp cấp bù phụ cấp phối sỏi đỏ, lu lèn đạt K ≥ 0,98.

2.3.6. Kết cấu bó nền

Bên trái tuyến xây bó nền bằng bê tông đá 1x2 M250, rộng 20,0cm, cao 30,0cm. Đỉnh bó nền bằng mép đường. Dưới lót lớp móng bê tông đá 1x2 M150 dày 10,0cm trên lớp lót ni lông chống thấm.

2.3.7. Hệ thống thoát nước

2.3.7.1. Hệ thống thoát nước dọc

- Xây dựng hệ thống thoát nước dọc 1 bên trái tuyến cống hộp (60xH)cm bằng bê tông đá 1x2 M250, Cống hộp được đặt trên lớp lót móng bê tông đá 1x2 M150 dày 10cm, bên dưới lớp bê tông lót bố trí lớp ni lông chống thấm. Cống hộp đậy nắp đan bê tông cốt thép đá 1x2 M250 đổ tại chỗ, dày 15cm. Cao độ đỉnh đan bằng cao độ mép đường. Cách khoảng 12 m bố trí đan thép (ĐT1) mạ kẽm chịu lực thu nước mặt. Đồng thời, cứ khoảng 25 m bố trí 01 hố thu nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra, nạo vét và duy tu hệ thống thoát nước trong quá trình khai thác. Hố thu có kích thước lọt lòng 0,6m × 1 m, đáy hố được thiết kế thấp hơn đáy cống 30 cm.

- Đắp hoàn thiện: Cống dọc và giếng thu được đắp hoàn thiện lưng cống bằng đất cấp C2 tận dụng từ đất đào đạt độ chặt K≥0,95.

2.3.7.2. Hệ thống thoát nước ngang

Trên tuyến xây dựng 01 vị trí cống ngang đường tại các lý trình sau:

- Tại Km0+243: Xây dựng cống ngang đường bằng cống hộp BTCT (60xH)cm, L=11,0m để dẫn nước từ cống dọc bên phải sang bên trái tuyến.

- Cống ngang đường được đắp hoàn thiện lưng cống bằng đất cấp C2 tận dụng từ đất đào đạt độ chặt K≥0,95.

2.3.7.3. Hướng thoát nước

- Nước mưa được thu nước vào hệ thống cống dọc tuyến chảy về cuối tuyến chảy vào hệ thống rạch hiện hữu.

2.3.8. Hệ thống an toàn giao thông

- Bố trí biển báo tại các ngã ba đầu tuyến, các điểm giao nhau với đường nhánh, bố trí sơn gờ giảm tốc bằng sơn phản quang theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT.

- Vạch sơn gờ giảm tốc tuân theo tiêu chuẩn cơ sở TCCS 34:2020/TCĐBVN
- Gờ giảm tốc, gồ giảm tốc trên đường bộ.

2.3.9. Di dời điện trung hạ thế

- Trên tuyến di dời 04 trụ hạ thế.

2.4. Tuyến đường Phú An 61

2.4.1. Thiết kế bình đồ

Tuyến thiết kế bao gồm 01 tuyến chính và 01 tuyến nhánh. Trong đó, tuyến chính đường Phú An 61 có chiều dài 706 m; tuyến nhánh đường Phú An 61 có chiều dài 80,62 m, điểm đầu tuyến tại Km0+375,79, phía bên phải tuyến chính.

- Bình đồ tuyến được thiết kế trên cơ sở bám theo đường hiện trạng. Toàn tuyến có 15 đỉnh đường cong với Rmax=500m. Do không đền bù giải phóng mặt bằng nên các giao lộ chỉ thiết kế mở rộng theo mặt đường hiện hữu với bán kính từ R=3,0÷30,0m.

2.4.2. Thiết kế mặt cắt dọc

- Trắc dọc tuyến được thiết kế trên cơ sở các điểm khống chế tại đầu tuyến, cuối tuyến và các nhánh đường hẻm. Cao độ thiết kế trắc dọc là cao độ hoàn thiện tại tim đường.

- Chiều cao được đắp nâng mặt đường tuyến Phú An 61 tuyến chính biến thiên từ 0 ÷ 0,47m. Độ dốc dọc thiết kế trên tuyến nhỏ nhất là 0,17%.

- Chiều cao được đắp nâng mặt đường tuyến Phú An 61 tuyến nhánh biến thiên từ 0 ÷ 0,31m. Độ dốc dọc thiết kế trên tuyến là 1,29%.

2.4.3. Thiết kế mặt cắt ngang

Tuyến chính;

• Đoạn từ Km0+00 ÷ Km0+185.78

- Chiều rộng mặt đường (đoạn từ Km0+00 ÷ Km0+185.78): 6,0 m

- Độ dốc ngang mặt đường: 2% (dốc 2 mái)

- Xây dựng cống hộp BTCT (60xH)cm: 2 bên

- Chiều rộng nền đường (bao gồm mặt đường và cống TNM): 8,00 m

• Đoạn từ Km0+185.78 ÷ Km0+706

- Chiều rộng mặt đường (đoạn từ Km0+185.78 ÷ Km0+706): 4,0 m

- Độ dốc ngang mặt đường: 2% (dốc 2 mái)

- Xây dựng cống hộp BTCT (80xH)cm: 2 bên

- Chiều rộng nền đường (bao gồm mặt đường và cống TNM): 6,40 m

Tuyến nhánh;

- Chiều rộng mặt đường: 4,0 m

- Chiều rộng bó nền: 0,2m x 2 bên

- Chiều rộng nền đường (bao gồm bó nền): 4,40 m

- Độ dốc ngang mặt đường: 2% (dốc 2 mái)

- Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa nóng

2.4.4. Thiết kế kết cấu nền, mặt đường tuyến chính đoạn từ Km 0+00 đến Km 0+679,88

(Kết cấu nền và mặt đường được thiết kế như sau (tính từ lớp trên xuống dưới):

2.4.4.1. Kết cấu mặt đường hiện hữu.

- Trải lớp BTNN hạt mịn (BTNC C12,5) dày 06cm, lu lèn đạt K ≥ 0,98; E ≥ 145Mpa.

- Trải lớp BTNN hạt mịn (BTNC C12,5) bù phụ dày trung bình 6,1cm, lu lèn đạt K ≥ 0,98; E ≥ 145Mpa, trên lớp nhũ tương gốc axit phân tích chậm CSS-1h tiêu chuẩn 0,80 Kg/m².

2.4.4.2. Kết cấu mặt đường mở rộng.

- Trải lớp BTNN hạt mịn (BTNC C12,5) dày 06cm, lu lèn đạt K ≥ 0,98; E ≥ 145Mpa, trên lớp nhũ tương gốc axit phân tích chậm CSS-1h tiêu chuẩn 1,0 Kg/m².

- Trải cấp phối đá dăm Dmax=25mm lớp trên dày 15cm, lu lèn đạt K ≥ 0,98; E ≥ 120MPa.

- Trải cấp phối đá dăm Dmax=37,5mm lớp dưới dày 15cm, lu lèn đạt K ≥ 0,98; E ≥ 110MPa.

- Đắp cấp bù phụ cấp phối sỏi đỏ, lu lèn đạt K ≥ 0,98.

2.4.5. Thiết kế kết cấu nền, mặt đường tuyến chính đoạn từ Km 0+679,88 đến Km 0+706

(Kết cấu nền và mặt đường được thiết kế như sau (tính từ lớp trên xuống dưới):

2.4.5.1. Kết cấu mặt đường hiện hữu và mở rộng.

- Trải lớp BTNN hạt mịn (BTNC C12,5) dày 06cm, lu lèn đạt K ≥ 0,98; E ≥ 145Mpa, trên lớp nhũ tương gốc axit phân tích chậm CSS-1h tiêu chuẩn 1,0 Kg/m².

- Trải cấp phối đá dăm Dmax=25mm lớp trên dày 15cm, lu lèn đạt K ≥ 0,98; E ≥ 120MPa.

- Trải cấp phối đá dăm Dmax=37,5mm lớp dưới dày 15cm, lu lèn đạt K ≥ 0,98; E ≥ 110MPa.

- Đắp cấp bù phụ cấp phối sỏi đỏ, lu lèn đạt K ≥ 0,98.

2.4.6. Thiết kế kết cấu nền, mặt đường tuyến nhánh:

(Kết cấu nền và mặt đường được thiết kế như sau (tính từ lớp trên xuống dưới):

2.4.6.1. Kết cấu mặt đường hiện hữu và mở rộng.

- Trải lớp BTNN hạt mịn (BTNC C12,5) dày 06cm, lu lèn đạt K ≥ 0,98; E ≥ 145Mpa, trên lớp nhũ tương gốc axit phân tích chậm CSS-1h tiêu chuẩn 1,0 Kg/m².

- Trải cấp phối đá dăm Dmax=25mm lớp trên dày 15cm, lu lèn đạt K ≥ 0,98; E ≥ 110MPa.

- Trải cấp phối đá dăm Dmax=37,5mm lớp dưới dày 15cm, lu lèn đạt K ≥ 0,98; E ≥ 110MPa.

- Đắp đất cấp 3 (sỏi đỏ) bù phụ nền đường, lu lèn đạt K ≥ 0,98.

2.4.7. Hệ thống thoát nước

2.4.7.1. Hệ thống thoát nước dọc

- Tuyến chính đoạn từ Km 0+00 đến Km 0+185.78 xây dựng hệ thống thoát nước dọc 2 bên tuyến chính cống hộp (60xH)cm bằng bê tông đá 1x2 M250, Cống hộp được đặt trên lớp lót móng bê tông đá 1x2 M150 dày 10cm, bên dưới lớp bê tông lót bố trí lớp ni lông chống thấm. Cống hộp đậy nắp đan bê tông cốt thép đá 1x2 M250 đổ tại chỗ, dày 15cm, cao độ mặt cống bằng cao độ mép đường. Cách khoảng 12 m bố trí đan thép (ĐT1) mạ kẽm chịu lực thu nước mặt. Đồng thời, cứ khoảng 25 m bố trí 01 hố thu nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra, nạo vét và duy tu hệ thống thoát nước trong quá trình khai thác. Hố thu có kích thước lọt lòng 0,6m × 1 m, đáy hố được thiết kế thấp hơn đáy cống 30 cm.

- Tuyến chính đoạn từ Km 0+185.78 đến Km 0+701.5 xây dựng hệ thống thoát nước dọc 2 bên tuyến chính cống hộp (80xH)cm bằng bê tông đá 1x2 M250, Cống hộp được đặt trên lớp lót móng bê tông đá 1x2 M150 dày 10cm, bên dưới lớp bê tông lót bố trí lớp ni lông chống thấm. Cống hộp đậy nắp đan bê tông cốt thép đá 1x2 M250 đổ tại chỗ, dày 15cm. Cao độ đỉnh đan bằng cao độ mép đường, cách khoảng 12 m bố trí đan thép (ĐT2) mạ kẽm chịu lực thu nước mặt. Đồng thời, cứ khoảng 25 m bố trí 01 hố thu nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra, nạo vét và duy tu hệ thống thoát nước trong quá trình khai thác. Hố thu có kích thước lọt lòng 0,8m × 1 m, đáy hố được thiết kế thấp hơn đáy cống 30 cm.

- Sửa chữa 02 cống dọc 80x80, L=9m hiện hữu tại Km0+185,78 bằng cách phá dỡ tường cánh cống hiện hữu và xây dựng mới 04 hầm ga kích thước 1,40 × 2,00 m và bố trí đan thép ĐT3 thu nước mặt.

- Phía hạ lưu xây cống hộp (100x100)cm; dài 3,5 m bằng bê tông đá 1x2 M250, Cống hộp được đặt trên lớp lót móng bê tông đá 1x2 M150 dày 10cm; phía dưới gia cố cừ tràm mật độ 25 cây/m2 dài 4,0m, Cống hộp đậy nắp đan bê tông cốt thép đá 1x2 M250 cấu kiện đúc sẵn, dày 15cm.

- Xây dựng cửa xả cống hộp (100x100)cm tại Km 0+706, bố trí rọ đá kích thước 2x1x1m và 2x0,5x1m tại hạ lưu cửa xả.

+ Trên tường, đầu tường cánh cửa xả bố trí lan can thép mạ kẽm để đảm bảo an toàn.

- Đắp hoàn thiện: Cống dọc và giếng thu được đắp hoàn thiện lưng cống bằng đất cấp C2 tận dụng từ đất đào đạt độ chặt K≥0,95.

2.4.7.2. Hệ thống thoát nước ngang

Trên tuyến xây dựng 01 vị trí cống ngang đường tại các lý trình sau:

- Tại Km0+701,5: Xây dựng cống ngang đường bằng cống hộp BTCT (80xH)cm, L=4,83m để dẫn nước từ cống dọc bên phải sang bên trái tuyến, bố trí đan thép (ĐT2) mạ kẽm chịu lực thu nước mặt.

- Cống ngang đường được đắp hoàn thiện lưng cống bằng đất cấp C2 tận dụng từ đất đào đạt độ chặt K≥0,95.

2.4.7.3. Hướng thoát nước

- Nước mưa được thu nước vào hệ thống cống dọc tuyến chảy về cuối tuyến chảy vào hệ thống rạch hiện hữu.

2.4.8. Hệ thống an toàn giao thông

- Bố trí biển báo tại các ngã ba đầu tuyến, các điểm giao nhau với đường nhánh, bố trí vạch sơn đường vạch 1.1; sơn gờ giảm tốc bằng sơn phản quang theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT.

- Vạch sơn gờ giảm tốc tuân theo tiêu chuẩn cơ sở TCCS 34:2020/TCĐBVN - Gờ giảm tốc, gồ giảm tốc trên đường bộ.

2.4.9. Di dời cây xanh

- Trên tuyến Phú An 61 đoạn tuyến từ Km 0+00 đến Km 0+185.78 di dời 31 cây xanh hiện hữu ra phạm vi công trình và trồng lại.

10. Danh mục quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng:

- Các tiêu chuẩn thiết kế và quy trình, quy phạm:

+ QCVN 07:2023/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật".

+ Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 10380:2014 Đường giao thông nông thôn - Yêu cầu thiết kế;

+ Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 4054:2005 Đường ôtô - Yêu cầu thiết kế;

+ Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 13592:2022 Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế

+ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT;

+ Đường ô tô - Tiêu chuẩn khảo sát: TCCS 31:2020/TCĐBVN;

+ Áo đường mềm - Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế TCCS 38: 2022/TCĐBVN.

+ TCCS 39: 2022/TCĐBVN Thiết kế mặt đường bê tông xi măng thông thường có khe nối trong xây dựng công trình giao thông.

+ TCVN 9845:2013 "Tính toán đặc trưng dòng chảy lũ".

+ TCVN 5574:2018 " Thiết kế kết cấu bê tông và bê tông cốt thép".

+ Tiêu chuẩn thiết kế TCVN 7957:2023: "Thoát nước - Mạng lưới và công trình bên ngoài".

+ TCVN 12681:2019 "Trang thiết bị an toàn giao thông đường bộ - Dải phân cách và Lan can phòng hộ - kích thước và hình dạng".

- Các số liệu điều tra về tình hình địa chất (tham khảo), thủy văn trong khu vực mà tuyến đi qua kết hợp với hồ sơ khảo sát địa hình do Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng Thiên Phúc Long thu thập, đo đạc.

11. Tổng mức đầu tư xây dựng dự án; giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng:

Tổng mức đầu tư sau thẩm định: 19.826.631.016 đồng (*Bằng chữ: Mười chín tỷ, tám trăm hai mươi sáu triệu, sáu trăm ba mươi mốt nghìn, không trăm mười sáu đồng*).

STT	Khoản mục chi phí	Giá trị (đồng)
1	Chi phí di dời công trình hạ tầng	361.800.000
2	Chi phí xây dựng	16.504.352.417
3	Chi phí quản lý dự án	418.231.080
4	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	1.387.805.191
5	Chi phí khác	193.680.472
6	Chi phí dự phòng	960.761.856
	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ	**19.826.631.016**

12. Thời gian thực hiện dự án:

Thời gian thực hiện: Năm 2026 - 2028.

13. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo thời gian thực hiện dự án:

Nguồn vốn: Nguồn vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Thành phố Hồ Chí Minh cho ngân sách phường.

Dự án có nguồn vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Thành phố cho ngân sách phường; mục tiêu đầu tư đáp ứng nhu cầu giao thông, thoát nước và chỉnh trang đô thị. Chủ đầu tư có trách nhiệm phối hợp cơ quan tài chính tham mưu bố trí đủ vốn theo tiến độ, bảo đảm không phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản.

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án:

Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

15. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên; phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

Mục tiêu, địa điểm, quy mô và tổng mức đầu tư của dự án cơ bản phù hợp với chủ trương đầu tư được phê duyệt tại Quyết định số 74/QĐ-UBND ngày 23/01/2026. Phạm vi đầu tư trên 04 tuyến hiện hữu thuộc khu phố Phú Thuận, không đặt ra nội dung bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong hồ sơ trình thẩm định.

16. Các nội dung khác (nếu có).

Nhà thầu thẩm tra: Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Phú Quân.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Phú An tổ chức triển khai thực hiện dự án theo nội dung được phê duyệt và quy định pháp luật hiện hành.

Giao Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị và các cơ quan, đơn vị có liên quan, theo chức năng, nhiệm vụ được giao, hướng dẫn, kiểm tra và phối hợp với Chủ đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện dự án.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường, Trưởng Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị, Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Phú An, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- CT, các PCT UBND phường;
- LĐVP;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Trần Bảo Lâm